

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-PT

Ngày 06-8-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Trọng Danh.

Bà Đỗ Thị Thúy Năng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2019/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2019/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2019/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang H; cư trú tại: đường Đ, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Đan T; cư trú tại: đường L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn K

2. Bà Phan Thị Ngọc B

Cùng cư trú tại: đường Đ, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bị đơn: Ông Nguyễn Văn K và bà Phan Thị Ngọc B là ông Nguyễn Quang H; cư trú tại: đường Đ, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền, ngày 23 tháng 7 năm 2019).

- *Người kháng cáo:* Bà Đỗ Đan T, là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Quang H, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đỗ Đan T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng vào ngày 12-3-2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống trong nhà cha mẹ chồng tại đường Đ, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng; trong quá trình chung sống thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong việc dạy dỗ, giáo dục con cái và bà T có thái độ cư xử thiếu tôn trọng đối với gia đình bên chồng, dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách và rạn nứt. Đến nay do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được và không còn tình cảm vợ chồng với nhau nữa, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

- Về con: Ông và bà Đỗ Đan T có 03 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2013; Nguyễn Minh K1, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2015 và Nguyễn Minh K2, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2017. Ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 03 con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng cho con. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H đề

ngợi nếu Tòa án không chấp nhận nguyện vọng của ông về việc được giao trực tiếp nuôi cả 03 con chung thì ông xin được nuôi 02 con là Nguyễn Minh K và Nguyễn Minh K1.

- Về tài sản chung: Ông xác định ông và bà Đỗ Đan T không có tài sản chung. Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Outlander Sport thì ông cho rằng đây là tài sản riêng của ông vì ông vay tiền của cha mẹ để mua xe. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H đề nghị nếu quy định của pháp luật xác định xe ô tô nói trên là tài sản chung của vợ chồng thì yêu cầu Tòa án chia cho ông 70% giá trị chiếc xe và cho ông được nhận tài sản bằng hiện vật; ông sẽ thanh toán lại cho bà T 30% giá trị chiếc xe tính thành tiền là 185.781.900 đồng.

- Về nợ chung: Ông xác định ông và bà Đỗ Đan T không có nợ chung. Số tiền 1.200.000.000 đồng ông vay từ ông Nguyễn Văn K và bà Phan Thị Ngọc B là khoản nợ riêng của ông dùng để mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Outlander Sport.

Bị đơn bà Đỗ Đan T, trình bày:

- Bà thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Quang H về mối quan hệ hôn nhân của vợ chồng. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Nay ông H yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý ly hôn với ông H.

- Về con: Bà và ông Nguyễn Quang H có 03 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2013; Nguyễn Minh K1, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2015 và Nguyễn Minh K2, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2017. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 03 con và yêu cầu ông H cấp dưỡng cho cả 03 con mỗi tháng 10.000.000 đồng, cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung:

+ Bà xác định bà và ông Nguyễn Quang H có 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Outlander Sport. Ly hôn, bà yêu cầu được chia 50% giá trị chiếc xe và xin nhận giá trị bằng tiền tương ứng 309.636.500 đồng.

+ Bà xác định toàn bộ tiền để mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Outlander Sport là do ông Nguyễn Văn K và bà Phan Thị Ngọc B cho vợ chồng chứ không có việc vay tiền như ông H trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn K và bà Phan Thị Ngọc B, trình bày tại văn bản ghi ngày 17-01-2019: Ngày 31-12-2014, vợ chồng ông, bà có cho con trai là Nguyễn Quang H vay số tiền 1.200.000.000 đồng để mua xe ô tô. Số tiền này được chuyển từ tài khoản đứng tên Phan Thị Ngọc B đến tài khoản đứng tên Nguyễn Quang H cùng mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam. Đến nay ông H đã trả lại cho vợ chồng ông, bà 200.000.000 đồng; còn nợ 1.000.000.000 đồng; đây là khoản nợ riêng của ông H đối với ông, bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã trưng cầu thẩm định giá tài sản đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Outlander Sport. Theo Chứng thư thẩm định giá số: 5180201/CT-BTCVALUEĐN ngày 06-12-2018 của Công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE, xác định giá của chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Outlander Sport là 619.273.000 đồng.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2019/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định:

Căn cứ các điều 55, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 127, Điều 235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung của ông Nguyễn Quang H đối với bà Đỗ Đan T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Quang H đối với bà Đỗ Đan T.

2. Về con chung:

Xử giao con chung là Nguyễn Minh K1, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2015 và Nguyễn Minh K2, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2017 cho bà Đỗ Đan T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2013 cho ông Nguyễn Quang H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Quang H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 6.000.000 đồng (3.000.000 đồng/ cháu/ tháng) cho đến khi cháu Kiệt và cháu Khuê lần lượt đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung:

Xử giao cho ông Nguyễn Quang H quản lý và sử dụng xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Outlander Sport.

Ông Nguyễn Quang H phải bồi trả cho bà Đỗ Đan T số tiền tương ứng với 30% giá trị tài sản là 185.781.900 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ đối với con chung; nghĩa vụ do chậm thi hành án; án phí; và quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Ngày 26-4-2019, bà Đỗ Đan T nộp đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết để cho bà được trực tiếp nuôi cả 03 con và chia cho bà 50% giá trị tài sản chung của ông, bà là xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Outlander Sport.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quang H và bà Đỗ Đan T thỏa thuận thuận tình ly hôn.

Về con:

- Giao 03 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2013; Nguyễn Minh K1, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2015 và Nguyễn Minh K2, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2017 cho bà Đỗ Đan T trực tiếp nuôi.

- Ông Nguyễn Quang H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 03 con chung Nguyễn Minh K, Nguyễn Minh K1 và Nguyễn Minh K2 mỗi tháng 10.000.000 đồng (mỗi con được ông H cấp dưỡng 1/3 số tiền nói trên) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung:

- Chia cho bà Đỗ Đan T 30% giá trị xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Outlander Sport, với giá trị tương ứng tính thành tiền là 185.781.900 đồng.

- Ông Nguyễn Quang H có nghĩa vụ thanh toán thời trả cho bà Đỗ Đan T số tiền tài sản chung được chia nói trên là 185.781.900 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

- Chia cho ông Nguyễn Quang H 70% giá trị xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Outlander Sport, với giá trị tương ứng tính thành tiền là 433.491.100 đồng và giao ông H sở hữu, sử dụng xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Outlander Sport; giá trị xe ô tô giao cho ông H là 619.273.000 đồng

- Ông Nguyễn Quang H có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Outlander Sport đứng tên ông theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Quang H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng; án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung là 21.339.644 đồng.

- Bà Đỗ Đan T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung là 9.289.095 đồng.

Về chi phí định giá tài sản: Bà Đỗ Đan T phải chịu chi phí định giá tài sản với số tiền 1.050.000 đồng. Ông Nguyễn Quang H phải chịu chi phí định giá tài sản với số tiền 2.450.000 đồng.

Xét thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

[3] Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm, nên người kháng cáo là bà Đỗ Đan T phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định tại khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2019/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Quang H và bà Đỗ Đan T.

Về con:

- Giao 03 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2013; Nguyễn Minh K1, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2015 và Nguyễn Minh K2, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2017 cho bà Đỗ Đan T trực tiếp nuôi.

- Ông Nguyễn Quang H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 03 con chung Nguyễn Minh K, Nguyễn Minh K1 và Nguyễn Minh K2 mỗi tháng 10.000.000 đồng (mỗi con được ông H cấp dưỡng 1/3 số tiền nói trên) kể từ ngày tuyên án phúc thẩm cho đến khi con lần lượt đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Quang H và bà Đỗ Đan T có các quyền và nghĩa vụ đối với con theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung:

- Chia cho ông Nguyễn Quang H 70% giá trị xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Outlander Sport, với giá trị tương ứng tính thành tiền là 433.491.100 đồng (Bốn trăm ba mươi ba triệu, bốn trăm chín mươi một ngàn, một trăm đồng), nhưng giao cho ông H sở hữu, sử dụng xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Outlander Sport; giá trị xe ô tô giao cho ông H là 619.273.000 đồng.

- Ông Nguyễn Quang H có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Outlander Sport đứng tên ông theo quy định của pháp luật.

- Chia cho bà Đỗ Đan T 30% giá trị xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Outlander Sport, với giá trị tương ứng tính thành tiền là 185.781.900 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi một ngàn, chín trăm đồng).

- Ông Nguyễn Quang H có nghĩa vụ thanh toán bồi trả cho bà Đỗ Đan T số tiền tài sản chung được chia nói trên là 185.781.900 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi một ngàn, chín trăm đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và nghĩa vụ thanh toán tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Quang H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 003542 ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; ông H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

- Ông Nguyễn Quang H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

- Ông Nguyễn Quang H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung là 21.339.644 đồng (Hai mươi bốn triệu, ba trăm ba mươi chín ngàn, sáu trăm bốn mươi bốn đồng).

- Bà Đỗ Đan T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung là 9.289.095 đồng (Chín triệu, hai trăm tám mươi chín ngàn, không trăm chín mươi lăm đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) theo biên lai thu số 003731 ngày 06 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; bà T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 710.905 đồng (Bảy trăm mười ngàn, chín trăm linh năm đồng).

Về chi phí định giá tài sản:

- Bà Đỗ Đan T phải chịu chi phí định giá tài sản với số tiền 1.050.000 đồng (Một triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng); bà T đã nộp tạm ứng và đã chi thanh toán xong cho Công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE – Chi nhánh Đà Nẵng, theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000491 ngày 06 tháng 12 năm 2018.

- Ông Nguyễn Quang H phải hoàn trả cho bà Đỗ Đan T chi phí định giá tài sản tại Công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE với số tiền là 2.450.000 đồng (Hai triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đỗ Đan T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí

phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007105 ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; bà T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm về hôn nhân và gia đình.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân quận Hải Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Hà Nam